

**UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ CÔNG THƯƠNG**

Số: 985 /SCT-QLNL
V/v báo cáo kết quả thực hiện
giảm giá điện, giảm tiền điện
cho các khách hàng sử dụng điện
bị ảnh hưởng của dịch Covid-19

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 09 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Cục Điều tiết Điện lực - Bộ Công Thương

Thực hiện Văn bản số 3021/BCT-ĐTĐL ngày 28/4/2020 của Bộ Công Thương về việc báo cáo kết quả thực hiện giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19; Trên cơ sở kết quả báo cáo của các đơn vị, Sở Công Thương Quảng Trị tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện trong tháng 6/2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị tại phụ lục đính kèm.

Đề nghị Cục Điều tiết Điện lực tổng hợp báo cáo Bộ Công Thương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, QLNL (4).

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Vĩnh

Phụ lục

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIẢM GIÁ ĐIỆN, GIẢM TIỀN ĐIỆN DO TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH COVID-19
THÁNG 6 NĂM 2020**

(Kèm theo Công văn số:985/SCT-QLNL ngày 09 /7/2020 của Sở Công Thương về việc báo cáo kết quả thực hiện giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19)

Tháng: 6/2020

STT	Nội dung	Tháng 6/2020				Lũy kết đến hết ngày 30/06/2020			
		Tổng số khách hàng/cơ sở	Sản lượng điện (kWh)	Số tiền KH thực thanh toán (đồng, trước VAT)	Số tiền hỗ trợ giảm giá (đồng, trước VAT)	Tổng số khách hàng/cơ sở	Sản lượng điện (kWh)	Số tiền KH thực thanh toán (đồng, trước VAT)	Số tiền hỗ trợ giảm giá (đồng, trước VAT)
	Tổng cộng:	188.409	60.902.303	107.207.294.783	11.466.919.937	380.811	123.624.280	213.235.879.481	23.274.693.672
I/	Giảm giá điện	188.383	60.705.207	106.992.654.681	11.330.384.741	380.724	122.900.781	212.395.219.689	22.822.684.029
1	Khách hàng sản xuất	11.331	25.872.315	40.869.377.066	4.532.890.333	25.633	59.319.584	93.867.504.199	10.411.040.202
2	Khách hàng Kinh doanh	4.664	3.202.005	7.963.783.564	886.127.112	10.598	6.135.877	15.135.602.295	1.682.844.883
3	Khách hàng Sinh hoạt	172.250	30.990.351	57.104.243.020	5.260.185.121	344.205	56.369.994	101.570.824.770	9.716.477.103
4	Khách hàng là cơ sở lưu trú du lịch	121	561.580	885.890.411	632.390.647	246	908.418	1.463.270.765	991.389.265
5	Khách hàng bán buôn điện	17	78.956	169.360.620	18.791.528	42	166.908	358.017.660	20.932.576
5.1	Khách hàng bán buôn nông thôn								
5.2	Khách hàng bán buôn Khu tập thể-CDC								
5.3	Khách hàng bán buôn TM-DV-SH								
5.4	Khách hàng bán buôn KCN								
5.5	Khách hàng bán buôn Chợ	17	78.956	169.360.620	18.791.528	42	166.908	358.017.660	20.932.576
II/	Giảm tiền điện:	26	197.096	214.640.102	136.535.196	87	723.499	840.659.792	452.009.643
1	Cơ sở (không phải khách sạn) được dùng để cách ly, khám bệnh tập trung bệnh nhân nghi nhiễm, đã nhiễm Covid-19	19	45.761	-	82.875.171	62	130.631	-	241.844.698
2	Cơ sở y tế được dùng để khám, xét nghiệm, điều trị bệnh nhân nghi nhiễm, đã nhiễm Covid-19	7	151.335	214.640.102	53.660.025	23	587.789	833.187.338	208.296.832
3	Khách sạn được dùng để cách ly bệnh nhân nghi nhiễm, đã nhiễm Covid-19					2	5.079	7.472.454	1.868.113